

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 143/2026/DS-PT
Ngày: 23/01/2026
V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Giảng

Các Thẩm phán: Ông Uông Văn Tuấn

Bà Mai Thị Mỹ Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Thanh Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 1404/2025/TLPT-DS ngày 08 tháng 12 năm 2025 về việc: “Tranh chấp đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DSST ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7601/2025/QĐPT-DS ngày 29 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Công ty TNHH L.

Trụ sở: Số 46 đường D1, KDC N, phường Ph, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc Minh S.

Địa chỉ liên hệ: Số 175 đường Dương Quảng Hàm, phường An Nhơn, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 01/LAMASG/GUQ ngày 11/8/2025 của Công ty TNHH L).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Huỳnh Kim Ng – Công ty Luật TNHH D, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 509-511-513 đường Hoàng Sa, phường Xuân Hòa (Phường Võ Thị Sáu, Quận 3 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phan Đức A, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 24OT12 Landmark81, phường Thạnh Mỹ Tây (Phường 22, quận Bình Thạnh cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số công chứng 011183, quyền số 12/2024-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/12/2024 do Văn phòng Công chứng Vũ Thị Vân Anh, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận).

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phan Xuân H1, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số 46 đường D1, KDC N, phường Ph, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Công ty Cổ phần H.

Trụ sở: Thửa đất 604, tờ bản đồ số 41, Cụm công nghiệp Tam Lộc, xã Phước Hòa (xã Tam Lập, huyện Phú Giáo cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Đức A, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 24OT12 Landmark81, phường Thạnh Mỹ Tây (Phường 22, quận Bình Thạnh cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 26/4/2025 của Công ty CP H).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Công ty TNHH L có ông Hồ Ngọc C và ông Đặng Xuân Đ là người đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày:

Ngày 06/06/2018, Công ty TNHH L (gọi tắt là Công ty L) đã cho bà Nguyễn Thị Thanh T vay số tiền 14.000.000.000 đồng (Mười bốn tỷ đồng) thông qua tài khoản ngân hàng của bà Nguyễn Thị Thanh T:

- Người thụ hưởng: Nguyễn Thị Thanh T

- Số tài khoản: 13310000020015

- Tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV).

Việc giao nhận số tiền nêu trên được thể hiện chi tiết tại Giấy nộp tiền mặt số: 0043 ngày 06/06/2018 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Mặc dù, Công ty L đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu hoàn trả số tiền nêu trên dưới nhiều hình thức nhưng đến nay bà Nguyễn Thị Thanh T vẫn không phản hồi và không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền của mình. Do đó, ngày 19/9/2024, Công ty L đã gửi đến bà Nguyễn Thị Thanh T Công văn số 70/2024/CV-LAMASG về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T hoàn trả số tiền nêu trên.

Đến thời điểm hiện nay, nguyên đơn vẫn tiếp tục không nhận được bất kỳ phản hồi cũng như bất kỳ khoản thanh toán nào từ bà Nguyễn Thị Thanh T. Việc làm nêu trên của bà Nguyễn Thị Thanh T là không thiện chí, vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đáng kể đến kế hoạch tài chính và gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty L.

Do đó, Công ty L đã khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T thanh toán ngay số tiền 14.000.000.000 đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T thanh toán tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật cho đến khi thanh toán hết số tiền trên.

Ngày 24/3/2025 Công ty L có đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện, theo đó Công ty L kiện đòi tài sản và buộc bà Nguyễn Thị Thanh T thanh toán ngay số tiền 14.000.000.000 đồng. Công ty L không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với yêu cầu tiền lãi phải trả.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T có ông Phan Đức A là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Trước đây, trong quá trình Công ty Cổ phần H (gọi tắt là Công ty H) thành lập nhà máy lớp Vntire tại Cụm công nghiệp T, xã T, huyện P, tỉnh B, theo đó có gói thầu lắp đặt thiết bị và cung cấp lắp đặt hệ thống đường công nghệ cho nhà máy sản xuất lớp ô tô du lịch.

Qua giới thiệu và tìm hiểu Công ty TNHH L có liên hệ đặt vấn đề muốn được thực hiện gói thầu trên với điều kiện bà T được hưởng 14 tỷ đồng so với giá trị gói thầu. Sau khi 02 bên ký kết thực hiện Hợp đồng theo giá trị dự toán và Công ty Cổ phần H thanh toán lần thứ 01 thì Công ty TNHH L có trách nhiệm chuyển trả số tiền hoa hồng 14 tỷ nêu trên. Vào ngày 05/6/2018, Công ty H chuyển tiền tạm ứng lần 01 cho Công ty TNHH L số tiền là: 25.811.978.500 đồng. Theo thỏa thuận từ trước, ngày 06/6/2018, ông Phan Xuân H1 (là Giám đốc Công ty TNHH L) đã thanh toán trả cho bà T số tiền 14 tỷ đồng theo đúng như cam kết trên. Ông Phan Xuân H1 cam kết Công ty TNHH L tự hạch toán kế toán và nộp thuế liên quan đến tiền hoa hồng cho bà Nguyễn Thị Thanh T. Sau khi nhận tiền hoa hồng Công ty TNHH L đã được nhận thi công và tiếp tục nhận thanh toán cho các công việc thi công của mình, từ tháng 05/2018 đến tháng 12/2020 số tiền Công ty H đã thanh toán cho Công ty TNHH L là: 66.373.659.000 đồng (có hợp đồng ủy nhiệm chi và hóa đơn thanh toán kèm theo).

Theo đó hai bên đều đã tuân thủ và hoàn thành đúng theo như cam kết. Vấn đề trên xem như là đã kết thúc tại thời điểm đó, hai bên không có vấn đề vướng mắc gì trong suốt thời gian từ 06/6/2018 đến nay và hoàn toàn không giống như những gì mà Công ty Cổ phần LAMASG E&C nêu trong đơn khởi kiện. Bà Nguyễn Thị Thanh T đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Tại Bản tự khai ngày 12/5/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Xuân H1 trình bày:

Ngày 06/06/2018, ông nhân danh và đại diện Công ty TNHH L đã chuyển cho bà T số tiền là 14.000.000.000 đồng (Mười bốn tỷ đồng) thông qua tài khoản ngân hàng đứng tên bà Nguyễn Thị Thanh T, số tài khoản: 13310000020015, tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) theo Giấy nộp tiền mặt số: 0043 ngày 06/06/2018 của BIDV.

Mặc dù, Công ty TNHH L đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu hoàn trả số tiền nêu trên nhưng đến nay bà T vẫn không trả lại.

Hiện nay, Công ty TNHH L đã khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thanh T trả lại ngay số tiền 14.000.000.000 đồng (Mười bốn tỷ đồng) cho Công ty TNHH L. Như vậy, tranh chấp nêu trên là tranh chấp giữa Công ty và bà Nguyễn Thị Thanh T.

Trên đây là toàn bộ lời trình bày của ông liên quan đến vụ án. Ngoài những nội dung trình bày, ông Hương không còn bất kỳ ý kiến trình bày nào khác, ông Phan Xuân H1 yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần H có ông Phan Đức Anh là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Trước đây, trong quá trình Công ty Cổ phần H thành lập nhà máy lắp Vntire tại Cụm công nghiệp T, xã T, huyện P, tỉnh B theo đó có gói thầu lắp đặt thiết bị và cung cấp lắp đặt hệ thống đường công nghệ cho nhà máy sản xuất lốp ô tô du lịch.

Qua giới thiệu và tìm hiểu Công ty TNHH L có liên hệ đặt vấn đề muốn được thực hiện gói thầu trên với điều kiện bà Nguyễn Thị Thanh T được hưởng 14 tỷ đồng so với giá trị gói thầu. Sau khi 02 bên ký kết thực hiện Hợp đồng theo giá trị dự toán và Công ty Cổ phần H thanh toán lần thứ 01 thì Công ty TNHH L có trách nhiệm chuyển trả số tiền hoa hồng 14 tỷ đồng nêu trên. Vào ngày 05/6/2018, Công ty Cổ phần H chuyển tiền tạm ứng lần 01 cho Công ty TNHH L số tiền là: 25.811.978.500 đồng. Theo thỏa thuận từ trước, ngày 06/6/2018, ông Phan Xuân H1 (là Giám đốc Công ty TNHH L) đã thanh toán trả cho bà Tuyên số tiền 14 tỷ đồng theo đúng như cam kết trên. Ông Phan Xuân H1 cam kết Công ty TNHH L tự hạch toán kế toán và nộp thuế liên quan đến tiền hoa hồng cho Bà Nguyễn Thị Thanh T. Sau khi nhận tiền hoa hồng Công ty TNHH L đã được nhận thi công và tiếp tục nhận thanh toán cho các công việc thi công của mình, từ tháng 05/2018 đến tháng 12/2020 số tiền Công ty Cổ phần H đã thanh toán cho Công ty TNHH L là 66.373.659.000 đồng.

Theo đó hai bên đều đã tuân thủ và hoàn thành đúng theo như cam kết. Vấn đề trên xem như là đã kết thúc tại thời điểm đó, hai bên không có vấn đề vướng mắc gì trong suốt từ 06/6/2018 đến nay và hoàn toàn không giống như những gì mà Công ty TNHH L nêu trong đơn khởi kiện. Vì vậy, Công ty không còn nghĩa vụ gì đối với hợp đồng nêu trên và Công ty TNHH L.

Đối với tranh chấp tiền hoa hồng giữa bà Nguyễn Thị Thanh T với Công ty TNHH L là tranh chấp cá nhân bà Nguyễn Thị Thanh T với Công ty TNHH L không liên quan đến Công ty Cổ phần H. Công ty Cổ phần H không có tranh chấp với bà T về tiền hoa hồng trên và việc thỏa thuận hoa hồng không ảnh hưởng đến quyền lợi cổ đông.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DSST ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH L về việc buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả số tiền 14.000.000.000 đồng (Mười bốn tỷ đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 122.000.000 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu đồng) nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 61.011.507 đồng theo Biên lai thu số: 00059034 ngày 01/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty TNHH L còn phải nộp thêm số tiền 60.988.493 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành bản án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/7/2025, nguyên đơn Công ty TNHH L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn xác định cụ thể yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và bổ sung yêu cầu tính lãi là 1.860.273.973 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, không rút kháng cáo, các đương sự không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Về chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Các đương sự đã được bảo đảm để thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được bảo đảm.

- Về nội dung kháng cáo: Xét nguyên đơn không chứng minh được đây là số tiền công ty cho vay. Trình bày của bị đơn và Công ty H phù hợp với sự việc và thời điểm xảy ra việc giao kết và thực hiện hợp đồng thi công do bị đơn giới thiệu nên có căn cứ xác định đây là khoản tiền hoa hồng, vậy nên sổ sách kế toán và thực tế sự việc diễn ra từ năm 2018 mà Công ty TNHH L không hề có yêu cầu. Sơ thẩm giải quyết có căn cứ nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn được thực hiện theo đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo. Thẩm quyền giải quyết vụ án sơ thẩm đã xác định đúng. Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đã bảo đảm theo quy định, việc tổng đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm đã

được tuân thủ pháp luật. Không có vi phạm về thủ tục tổ tụng ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ trình bày của các đương sự và tài liệu tại hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định vào ngày 06/06/2018, bà Nguyễn Thị Thanh T có nhận được số tiền 14.000.000.000 đồng do ông Phan Xuân H1, là Giám đốc Công ty TNHH L, nộp chuyển vào tài khoản của bà T tại ngân hàng.

Nay Công ty TNHH L kiện hợp đồng vay, đòi bà T trả lại số tiền gốc 14.000.000.000 đồng, không yêu cầu khoản lãi.

Bị đơn không thừa nhận giao dịch là hợp đồng vay như nguyên đơn trình bày mà xác định đây là khoản tiền hoa hồng do Công ty TNHH L chi cho bị đơn vào năm 2018, do bị đơn môi giới cho nguyên đơn trúng thầu thi công công trình.

[3] Xét thấy: Căn cứ Luật Kế toán quy định về chế độ kế toán thì mọi nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh, trong đó các khoản thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và các hoạt động tài chính liên quan dòng tiền phát sinh tại doanh nghiệp đều phải được phản ánh khách quan, đầy đủ, chính xác kịp thời, đúng thực tế và đúng kỳ kế toán. Nguyên đơn không chứng minh được tại kỳ kế toán của Công ty TNHH L có phát sinh nghiệp vụ tài chính về số tiền cho vay này, đồng thời không chứng minh được có chứng từ thu chi, sổ sách kế toán theo dõi về số tiền này qua nhiều kỳ báo cáo về tài chính kế toán của Công ty từ năm 2018 đến nay. Như vậy tài sản của Công ty TNHH L không thể hiện có khoản tiền này thì không thể chứng minh được việc Công ty có cho bị đơn vay tiền hoặc hai bên có giao dịch về hợp đồng vay.

[4] Thực tế bị đơn có nhận được số tiền do cá nhân ông Phan Xuân H1 chuyển vào tài khoản của bị đơn, phù hợp với thời điểm Công ty TNHH L trúng thầu và nhận được khoản tiền do chủ đầu tư giao.

Theo sơ thẩm nhận định, số tiền hoa hồng này bà T được hưởng từ việc bà môi giới cho Công ty TNHH L do ông Phan Xuân H1 là người đại diện theo pháp luật được quyền thi công xây lắp công trình, theo Hợp đồng cung cấp và thi công xây lắp số 03/2018/HĐXL/HHT-LAMSSG ngày 16/4/2018 (giá trị hợp đồng 73.748.510.000 đồng). Khi chủ đầu tư chi tạm ứng lần đầu cho Công ty TNHH L số tiền 25.811.978.500 đồng vào ngày 05/6/2018 thì ngày 06/6/2018 ông Phan Xuân H1 đã chuyển cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 14.000.000.000 đồng.

Các giao dịch này xảy ra từ thời điểm năm 2018, qua nhiều kỳ báo cáo tài chính doanh nghiệp Công ty TNHH L cũng đã được quyết toán tài chính nhưng hoàn toàn không thể hiện có khoản nợ phải đòi là số tiền cho vay. Thực tế Công ty cũng không hề có tài liệu chứng từ, động thái nào để chứng minh có việc nhắc nợ hay đòi nợ số tiền này. Sơ thẩm chấp nhận trình bày của bị đơn, nhận định đây không là khoản tiền vay nợ mà là khoản thù lao, hoa hồng bị đơn hưởng từ việc môi giới cho nguyên đơn trúng thầu thi công công trình, mà không phải giao dịch vay là có cơ sở.

[5] Từ nhận định trên, xét không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị của luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn, như ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm.

[6] Về án phí cũng như tạm ứng án phí tại vụ án là án phí dân sự. Việc sơ thẩm buộc người kháng cáo nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo mức thu đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại là không đúng, phần chênh lệch cần phải hoàn trả cho người nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015;

Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DSST ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH L về việc buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả số tiền 14.000.000.000 đồng (Mười bốn tỷ đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 122.000.000 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu đồng) nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 61.011.507 đồng theo Biên lai thu số: 00059034 ngày 01/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty TNHH L còn phải nộp thêm số tiền 60.988.493 đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Công ty TNHH L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng 2.000.000 đồng (Biên lai thu BLTU/25E số 0005430 ngày 24/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh), còn được trả lại là 1.700.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- TAND khu vực 1 – TP.HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/25).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Giảng

